

# **Ôn thi: CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG 12**

## **KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

### **I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Nắm được những đặc điểm của một nền văn học song hành cùng lịch sử đất nước;
- Thấy được những thành tựu của văn học cách mạng Việt Nam
- Cảm nhận được ý nghĩa của văn học đối với đời sống.

### **II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:**

#### **1. Kiến thức:**

- Những đặc điểm cơ bản, những thành tựu lớn của văn học Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến năm 1975.
- Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX

#### **2. Kỹ năng:**

Nhìn nhận, đánh giá một giai đoạn văn học trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước.

### **III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

#### **1. Tìm hiểu chung:**

##### **a) Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975:**

- *Những chặng đường phát triển:*
  - + 1945 – 1954: Văn học thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp
  - + 1955 – 1964: Văn học trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam.
  - + 1965 – 1975: Văn học thời kì chống Mỹ cứu nước
- *Những thành tựu và hạn chế:*
  - + Thực hiện xuất sắc nhiệm vụ lịch sử; thể hiện hình ảnh con người Việt Nam trong chiến đấu và lao động.
  - + Tiếp nối và phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc: truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng.
  - + Những thành tựu nghệ thuật lớn về thể loại, về khuynh hướng thẩm mĩ, về đội ngũ sáng tác, đặc biệt là sự xuất hiện những tác phẩm lớn mang tầm thời đại.
  - + Tuy vậy, văn học thời kì này vẫn có những hạn chế nhất định: giản đơn, phiến diện, công thức...
- *Những đặc điểm cơ bản:*
  - + Văn học phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu;
  - + Nền văn học hướng về đại chúng;
  - + Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

**b) Văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX:**

- Những chuyển biến ban đầu: Hai cuộc kháng chiến kết thúc, văn học của cái ta cộng đồng bắt đầu chuyển hướng về với cái tôi muôn thuở.

- Thành tựu cơ bản nhất của văn học thời kì này chính là ý thức về sự đổi mới, sáng tạo trong bối cảnh mới của đời sống.

**2. Luyện tập:**

- Nhận diện lịch sử văn học cách mạng Việt Nam.

- Nhận xét, so sánh những đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 với các giai đoạn khác.

- Tập trình bày kiến thức về một giai đoạn văn học.

**3. Hướng dẫn tự học:**

Suy nghĩ của anh (chị) về những thành tựu và đặc điểm của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.



**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP  
(HỒ CHÍ MINH)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Nắm được những nét khái quát nhất về sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh;

- Thấy được giá trị nhiều mặt và ý nghĩa to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập* cũng như vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn tác giả.

**II. TRONG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- **Tác giả:** Khái quát về quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh

- **Tác phẩm:** Gồm ba phần:

+ **Phần một:** Nguyên lí chung;

+ **Phần hai:** Vạch trần những tội ác của thực dân Pháp;

+ **Phần ba:** Tuyên bố về quyền tự do, độc lập và quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự do của toàn thể dân tộc.

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức về quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh để phân tích thơ văn của Người.

- Đọc – hiểu văn bản chính luận theo đặc trưng thể loại.

**III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

**1. Tìm hiểu chung:**

**a) Tác giả:**

- **Tiêu sử:** Hồ Chí Minh (1890 – 1969) gắn bó trọn đời với dân với nước, với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới, là lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc.

- **Sự nghiệp văn học:**

+ **Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh:** Người coi nghệ thuật là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ. Người coi trọng tính chất chân thật và tính dân tộc của văn học; khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát từ đối tượng ( *Viết cho ai?* ) và mục đích tiếp nhận ( *Viết để làm gì?* ) để quyết định nội dung ( *Viết cái gì?* ) và hình thức ( *Viết thế nào?* ) của tác phẩm.

+ **Di sản văn học:** những tác phẩm chính của Hồ Chí Minh thuộc các thể loại: văn chính luận, truyện và kí, thơ ca.

+ **Phong cách nghệ thuật:** độc đáo, đa dạng, mỗi thể loại văn học đều có phong cách riêng hấp dẫn.

*Truyện và kí:* rất hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng vừa có sự sắc bén, thâm thúy của phương Đông vừa có cái hài hước, hóm hỉnh giàu chất uy – mua của phương Tây.

*Văn chính luận:* thường rút gọn, tư duy sắc sảo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy sức thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp.

*Thơ ca:* những bài thơ tuyên truyền lời lẽ giản dị, mộc mạc mang màu sắc dân gian hiện đại, dễ thuộc, dễ nhớ, có sức tác động lớn; thơ nghệ thuật hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, trữ tình và tính chiến đấu.

#### **b) Tác phẩm:**

- *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, tầm vóc tư tưởng cao đẹp và là áng văn chính luận mẫu mực.

- *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt đã quy định đối tượng hướng tới, nội dung và cách viết nhằm đạt hiệu quả cao nhất

### **2. Đọc – hiểu văn bản:**

#### **a) Nội dung:**

- **Nêu nguyên lí chung** về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc.

Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ, Pháp nhằm đề cao giá trị tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo. Từ quyền bình đẳng, tự do của con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra về quyền đẳng, tự do của các dân tộc. Đây là một đóng góp riêng của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại.

#### **- Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:**

+ Thực dân Pháp đã phản bội và chà đạp lên chính nguyên lí mà tổ tiên họ xây dựng.

+ Vạch trần bản chất xảo quyệt, tàn bạo, man rợ của thực dân Pháp bằng những lí lẽ và sự thật lịch sử không thể chối cãi. Đó là những tội ác về chính trị, kinh tế, văn hóa, ...; là những âm mưu thâm độc, chính sách tàn bạo. Sự thật đó có sức mạnh lớn lao, bác bỏ luận điệu của thực dân Pháp về công lao “khai hóa”, quyền “bảo hộ” Đông Dương. Bản tuyên ngôn cũng khẳng định thực tế lịch sử: nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

+ Những luận điệu khác của các thế lực phản cách mạng quốc tế cũng bị phản bác mạnh mẽ bằng những chứng cứ xác thực, đầy sức thuyết phục.

- **Tuyên bố độc lập:** tuyên bố thoát lí hấn quan hệ thực dân với Pháp, kêu gọi toàn dân đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy.

**b) Nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục.
- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa chính xác vừa gợi cảm.
- Giọng văn linh hoạt

**c) Ý nghĩa văn bản:**

- **Tuyên ngôn Độc lập** là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.

- **Kết tinh lí tưởng đấu giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.**
- **Là một áng văn chính luận mẫu mực.**

**3. Hướng dẫn tự học:**

- Mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Chứng minh rằng *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là văn kiện lịch sử mà còn là áng văn chính luận mẫu mực./.



**NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU,  
NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC  
(PHẠM VĂN ĐỒNG)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Nắm được những kiến giải sâu sắc của tác giả về những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu;
- Thấy được vẻ đẹp của áng văn nghị luận: *cách nêu vấn đề độc đáo, giọng văn hùng hồn, giàu sức biểu cảm.*

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Những đánh giá vừa sâu sắc, mới mẻ, vừa có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, giá trị của thơ văn Đồ Chiểu đối với đương thời và ngày nay.
- Nghệ thuật viết bài văn nghị luận: lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, ngôn từ trong sáng, gợi cảm, giàu hình ảnh.

**2. Kỹ năng:**

- Hoàn thiện và nâng cao kỹ năng đọc – hiểu văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại.
- Vận dụng cách nghị luận giàu sức thuyết phục của tác giả để phát triển các kỹ năng làm văn nghị luận.

**III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

**1. Tìm hiểu chung:**

**a) Tác giả:**

Phạm Văn Đồng (1906 – 2000) không chỉ là một cách mạng xuất sắc mà còn là nhà văn hóa lớn, một nhà lí luận văn nghệ uyên bác của nước ta trong thế kỉ XX.

**b) Tác phẩm:**

Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc được viết nhân kỉ niệm 75 ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (3-7-1888), in trong *Tạp chí Văn học*, tháng 7 năm 1963.

## 2. Đọc – hiểu văn bản:

### a) Nội dung:

- *Phần mở đầu*: Nêu cách tiếp cận vừa có tính khoa học vừa có ý nghĩa phương pháp luận đối với thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, một hiện tượng văn học độc đáo có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.

- *Phần tiếp theo*: Ý nghĩa, giá trị to lớn của cuộc đời, văn nghiệp Nguyễn Đình Chiểu:

+ Cuộc đời và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu – một chiến sĩ yêu nước, tron đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn của dân tộc: coi thơ văn là vũ khí chiến đấu bảo vệ chính nghĩa, chống lại kẻ thù xâm lược và tay sai, vạch trần âm mưu, thủ đoạn và lên án những kẻ sử dụng văn chương làm điều phi nghĩa.

+ Thơ văn yêu nước, chống ngoại xâm của Nguyễn Đình Chiểu “làm sống lại” một thời kỳ “khổ nhục” nhưng “vĩ đại”, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của thời đại, cổ vũ mạnh mẽ cho cuộc chiến đấu tranh chống ngoại xâm bằng hình tượng văn học “sinh động và náo nùng” xúc động lòng người. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* làm sống dậy một hình tượng mà từ trước đến nay chưa từng có trong văn chương trung đại: hình tượng người nông dân.

+ *Truyện Lục Vân Tiên* là một tác phẩm lớn của Nguyễn Đình Chiểu, chứa đựng nội dung tư tưởng gần gũi với quần chúng nhân dân, là “một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời”, có thể “truyền bá rộng rãi trong dân gian”.

- *Phần kết*: Khẳng định vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc.

### b) Nghệ thuật:

- Bố cục chặt chẽ, các luận điểm triển khai bám sát vấn đề trung tâm..

- Cách lập luận từ khái quát đến cụ thể, kết hợp cả diễn dịch, quy nạp và hình thức “đòn bẩy”.

- Lời văn có tính khoa học, vừa có màu sắc văn chương vừa khách quan; ngôn ngữ giàu hình ảnh.

- Giọng điệu linh hoạt, biến hoạt : khi hào sảng, lúc xót xa,...

### c) Ý nghĩa văn bản:

Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu: cuộc đời của một chiến sĩ phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; sự nghiệp thơ văn của ông là một minh chứng hùng hồn cho địa vị và tác dụng to lớn của văn học nghệ thuật cũng như trách nhiệm của người cầm bút đối với đất nước, dân tộc.

## 3. Hướng dẫn tự học:

- Tác giả đánh giá rất cao ý nghĩa của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* qua đoạn văn nào? Tác giả đã bác bỏ một số ý kiến hiểu chưa đúng về *Truyện Lục Vân Tiên* như thế nào?

- Mô hình hóa bố cục và lập sơ đồ hệ thống luận điểm, luận cứ của bài viết.

- Rút ra quan điểm, thái độ cần thiết khi đánh giá một tác phẩm văn học và những yếu tố cơ bản cần có để viết tốt một bài văn nghị luận./



**TÂY TIÊN**

(QUANG DŨNG)

## I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

*Chuẩn kiến thức-kỹ năng 12*

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên miền tây Tổ quốc và hình ảnh người lính Tây Tiến.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

## **II. TRONG TÂM KIẾN THỨC KỸ NĂNG:**

### **1. Kiến thức:**

- Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội nhưng mỹ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa.
- Bút pháp lãng mạn đặc sắc, ngôn từ giàu tính tạo hình.

### **2. Kỹ năng:**

- Đọc – hiểu một bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.
- Rèn kỹ năng cảm thụ thơ.

## **III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

### **1. Tìm hiểu chung:**

#### **a) Tác giả:**

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ tranh, viết văn, soạn nhạc.
- Một hồn thơ lãng mạn, tài hoa: nhà thơ của “*xứ Đoài mây trắng*”, thơ giàu chất nhạc, chất họa.

#### **b) Tác phẩm:**

- Những hiểu biết về đoàn quân Tây Tiến (*quá trình thành lập, nhiệm vụ, thành phần, địa bàn hoạt động,...*).
- Quang Dũng gia nhập Tây Tiến năm 1947, năm 1948 chuyển đơn vị; viết bài thơ *Tây Tiến* tại Phù Lưu Chanh năm 1948, nhan đề ban đầu là *Nhớ Tây Tiến*.

### **2. Đọc – hiểu văn bản:**

#### **a) Nội dung:**

- **Bức tranh thiên nhiên** núi rừng miền Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng vô cùng mỹ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân trong cảm xúc “*nhớ chơi vơi*” về một người Tây Tiến:
  - + Vùng đất xa xôi, hoang vắng, hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt, đầy bí hiểm nhưng vô cùng thơ mộng, trữ tình.
  - + Cảnh đêm liên hoan rục rờ lung linh. Chung vui với bản làng xứ lạ.
  - + Cảnh thiên nhiên sông nước miền tây một chiều sương giăng hư ảo.
  - + Hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân: gian khổ, hi sinh mà vẫn ngang tàng, tâm hồn vẫn trẻ trung, lãng mạn.

- **Bức chân dung về người** lính Tây Tiến trong nỗi “*nhớ chơi vơi*” về một thời gian khổ mà hào hùng:

- + Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa, lãng mạn;
- + Vẻ đẹp bi tráng.

#### **b) Nghệ thuật:**

- Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.
- Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,...
- Kết hợp chất họa và chất nhạc.

#### **c) Ý nghĩa văn bản :**

**Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trí tưởng tượng và trí óc mỗi chúng ta.**

### 3. Hướng dẫn tự học:

- Đối sánh phần một và phần hai của bài thơ để chỉ ra sự biến đổi về cảm xúc và bút pháp miêu tả của tác giả.

- So sánh hình ảnh người lính trong bài thơ *Tây Tiến* với hình ảnh người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.



## VIỆT BẮC

(Trích – TỐ HỮU)

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước;

- Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

### II. TRONG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

#### 1. Kiến thức:

- Khúc hồi tưởng ân tình về Việt Bắc trong những năm cách mạng và kháng chiến gian khổ; bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

- Tính dân tộc đậm nét: thể thơ lục bát; kiểu kết cấu đối đáp; ngôn ngữ, hình ảnh đậm sắc thái dân gian, dân tộc.

#### 2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

- Rèn luyện kỹ năng cảm thụ thơ.

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

#### 1. Tìm hiểu chung:

##### a) Tác giả:

- Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại.

- Thơ Tố Hữu thể hiện lẽ sống, lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

##### b) Tác phẩm:

- Bài thơ được ra đời vào tháng 10 năm 1954 (nhân sự kiện những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về Thủ đô).

- Đoạn trích trong SGK là phần đầu của bài thơ, tái hiện những kỉ niệm về cách mạng và kháng chiến.

#### 2. Đọc – hiểu văn bản:

##### a) Nội dung:

- Tám câu thơ đầu: **Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.**

Chuẩn kiến thức-kỹ năng 12

+ **Bốn câu trên:** Lời ước hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, tình nghĩa; qua đó, thể hiện tâm trạng của người ở lại.

+ **Bốn câu thơ tiếp:** Tiếng lòng người về xuôi bằng khuâng lưu luyến.

- **Tám mươi hai câu sau: *Những kỉ niệm về Việt Bắc hiện lên trong hoài niệm..***

+ **Mười hai câu hỏi:** Gọi lên những kỉ niệm ở Việt Bắc trong những năm tháng qua, khơi gợi, nhắc nhớ những kỉ niệm trong những năm cách mạng và kháng chiến. Việt Bắc từng là chiến khu an toàn, nhân dân ân tình, thủy chung, hết lòng với cách mạng và kháng chiến.

+ **Bảy mươi câu đáp:** Mượn lời đáp của người về xuôi, nhà thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết với Việt Bắc; qua đó, dựng lên hình ảnh chiến khu trong kháng chiến anh hùng và tình nghĩa thủy chung. Nội dung chủ đạo là nỗi nhớ Việt Bắc, những kỉ niệm về Việt Bắc (**bốn câu đầu đoạn** khẳng định tình nghĩa thủy chung son sắc; **hai mươi tám câu tiếp** nói về nỗi nhớ thiên nhiên, núi rừng và con người, cuộc sống nơi đây; **hai mươi tám câu tiếp theo** nói về cuộc kháng chiến anh hùng; **mười sáu câu cuối đoạn** thể hiện nỗi nhớ cảnh và người Việt Bắc, những kỉ niệm về cuộc kháng chiến).

**b) Nghệ thuật:**

Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu: thể thơ lục bát, lối đối đáp, cách xưng hô *mình – ta*, ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi,...

**c) Ý nghĩa văn bản:**

**Bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.**

### 3. Hướng dẫn tự học:

- Tìm đọc toàn bộ bài thơ *Việt Bắc*.
- Chọn bình giảng một đoạn khoảng từ 8 đến 10 câu thơ (chẳng hạn đoạn từ câu 9 đến câu 16, từ câu 35 đến câu 42, từ câu 43 đến câu 52,...).
- Phân tích giá trị biểu cảm của cách xưng hô *mình – ta* trong bài thơ.



## ĐẤT NƯỚC

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng* – NGUYỄN KHOA ĐIỀM)

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở;
- Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu của văn hóa và văn học dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ.

### II. TRONG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

#### 1. Kiến thức:

- Cái nhìn mới mẻ, sâu sắc về đất nước: là của nhân dân, do nhân dân sáng tạo, gìn giữ.
- Chất chính luận hòa quyện cùng chất trữ tình và khả năng vận dụng một cách sáng tạo nguồn chất liệu văn hóa, văn học dân gian.

#### 2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu tác phẩm thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

- Làm quen với giọng thơ giàu chất trí tuệ, suy tư.

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

#### 1. Tìm hiểu chung:

##### a) Tác giả:

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Thơ ông giàu chất trí tuệ, suy tư; xúc cảm dồn nén.

##### b) Tác phẩm:

- Giới thiệu trường ca *Mặt đường khát vọng* (SGK).

- Đoạn trích *Đất nước* là phần đầu của chương V, thể hiện tư tưởng: “Đất nước của nhân dân”.

#### 2. Đọc – hiểu văn bản:

##### a) Nội dung:

- Phần 1: Nêu lên cách cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành, phát triển của đất nước; từ đó khơi dậy ý thức về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.

+ Đất nước được hình thành từ những gì bé nhỏ, gần gũi, riêng tư trong cuộc sống của mỗi con người.

+ Đất nước là sự hòa quyện không thể tách rời giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc.

+ Mỗi người phải có trách nhiệm với đất nước.

- Phần 2: tư tưởng “*Đất nước của Nhân dân*” được thể hiện qua ba chiều cảm nhận về đất nước.

+ Từ không gian địa lí;

+ Từ thời gian lịch sử;

+ Từ bản sắc văn hóa.

Qua đó, nhà thơ khẳng định, ngợi ca công lao vĩ đại của nhân dân trên hành trình dựng nước và giữ nước.

##### b) Nghệ thuật:

- Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi.

- Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt.

- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

##### c) Ý nghĩa văn bản:

*Một cách cảm nhận mới về đất nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam.*

#### 3. Hướng dẫn tự học:

- Hình ảnh đất nước được thể hiện như thế nào trong chín câu thơ đầu đoạn trích?

- Tư tưởng “*Đất nước của Nhân dân*” được thể hiện tập trung trong những câu thơ nào? Trình bày cảm nhận của anh (chị) về những câu thơ đó.



**SÓNG**  
(XUÂN QUỲNH)

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khao khát hạnh phúc của người phụ nữ đang yêu;
- Thấy được đặc sắc nghệ thuật trong cấu tứ, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu, ngôn từ.

## II. TRONG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

### 1. Kiến thức:

- Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng “sóng”.
- Đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết, sôi nổi, nồng nàn, nhiều suy tư, trăn trở.

### 2. Kỹ năng:

- Đọc - hiểu một bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.
- Rèn kỹ năng cảm thụ thơ.

## III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

### 1. Tìm hiểu chung:

#### a) Tác giả:

- Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.
- Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

#### b) Tác phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: bài thơ được viết tại Biên Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967.
- Đề tài và chủ đề:
  - + Đề tài: tình yêu.
  - + Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu – một hình ảnh đẹp và xác đáng.

### 2. Đọc – hiểu văn bản :

#### a) Nội dung:

- Phần 1: *Sóng và em – những nét tương đồng:*
  - + Cung bậc phong phú, trạng thái đối cực phức tạp, đầy bí ẩn, nghịch lí.
  - + Khát vọng vươn xa, thoát khỏi những gì nhỏ hẹp, chật chội, tầm thường.
  - + Đầy bí ẩn..
  - + Luôn trăn trở, nhớ nhung và bao giờ cũng thủy chung son sắt.
- Phần 2: *Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu:*
  - + Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời: ý thức được sự hữu hạn của đời người, sự mong manh của hạnh phúc.
  - + Khát vọng sống hết mình trong tình yêu: khát vọng hóa thân thành sóng để bắt tử hóa tình yêu.

#### b) Nghệ thuật:

- Thể thơ năm chữ truyền thống; cách ngắt nhịp theo vần điệu, giàu sức liên tưởng.
- Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết.

#### c) Ý nghĩa văn bản:

*Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và vượt lên mọi giới hạn của đời người.*

### 3. Hướng dẫn tự học:

- Tìm những bài thơ sử dụng hình ảnh sóng và biển để diễn tả tình yêu.

- Bài thơ được kết cấu theo cách triển khai hai hình tượng sống đôi là *sóng* và *em*. Hãy nhận xét về ý nghĩa và hiệu quả của cách kết cấu ấy/.



## **ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA** (THANH THẢO)

### **I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Hiểu được vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca qua cách cảm nhận và tái hiện độc đáo của Thanh Thảo;
- Nắm bắt được những nét đặc sắc trong kiểu tư duy thơ mới mẻ, hiện đại của tác giả.

### **II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:**

#### **1. Kiến thức:**

- Hình tượng đẹp đẽ, cao cả của nhà thơ – chiến sĩ Lor-ca.
- Hình thức biểu đạt mang phong cách hiện đại của Thanh Thảo.

#### **2. Kỹ năng:**

- Đọc- hiểu một tác phẩm thơ trữ tình, bồi dưỡng năng lực cảm thụ thơ.
- Làm quen với cách biểu đạt mang đậm dấu ấn của trường phái siêu thực.

### **III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

#### **1. Tìm hiểu chung:**

##### **a) Tác giả:**

- Thanh Thảo là một trong những gương mặt tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Ngòi bút hướng nội giàu suy tư, trăn trở về cuộc sống của nhân dân, đất nước và thời đại; luôn tìm tòi những hình thức biểu đạt mới.

##### **b) Tác phẩm:**

- *Đàn ghi ta của Lor-ca* in trong tập thơ *Khối vuông ru-bích* (1985), là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ tượng trưng.
- Lor-ca(1898-1936): Nhà thơ thiên tài của TBN, người có khát vọng tự do và khát vọng cách tân nghệ thuật mãnh liệt, đã bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.

#### **2. Đọc - hiểu văn bản:**

##### **a) Nội dung:**

- Hình tượng Lor-ca được nhà thơ phác họa bằng những nét vẽ mang dấu ấn của thơ siêu thực: *tiếng đàn bọt nước, áo choàng đỏ gắt, vầng trăng chênh choáng, yên ngựa mới mòn...*Lor-ca hiện lên mạnh mẽ song cũng thật lẻ loi trên con đường gập gềnh xa thẳm.
- Bằng hệ thống hình ảnh vừa mang nghĩa thực vừa mang nghĩa ẩn dụ tượng trưng, tác giả đã tái hiện cái chết bi thảm, dữ dội của Lor-ca. Nhưng bất chấp tất cả, *tiếng đàn*-linh hồn của người nghệ sĩ-vẫn sống. Trong tiếng đàn ấy, nỗi đau và tình yêu, cái chết và sự bất tử hòa quyện vào nhau... Lời thơ di chúc của Lor-ca được nhắc lại, hàm ẩn cả tình yêu đất nước, tình yêu nghệ thuật và khát vọng cách tân nghệ thuật mãnh liệt.
- Cái chết không thể tiêu diệt được tâm hồn và những sáng tạo nghệ thuật của Lor-ca. Nhà cách tân vĩ đại của đất nước TBN trở thành bất tử trong chính cuộc giả từ này.

**b) Nghệ thuật:**

- Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Ngôn ngữ thơ hàm súc, giàu sức gợi.

**c) Ý nghĩa văn bản:**

*Ngợi ca vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn và tài năng của Lor-ca – nhà thơ, nhà cách tân vĩ đại của văn học Tây Ban Nha và thế giới thế kỷ XX.*

**3. Hướng dẫn tự học:**

- Nêu nhận xét về những sáng tạo nghệ thuật của Thanh Thảo trong bài thơ.
- Tìm và phân tích những hình ảnh biểu tượng giàu sức gợi trong bài thơ (*cây đàn, tiếng ghi ta...*)/.



## NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

(Trích-Nguyễn Tuân)

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó, hiểu được tình yêu, sự say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây bắc Tổ quốc;
- Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

### II. TRONG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

**1. Kiến thức:**

- Vẻ đẹp đa dạng của con sông Đà (hung bạo, trữ tình) và người lái đò (trí dũng, tài hoa) trên trang văn Nguyễn Tuân..

- Vốn từ ngữ dồi dào, biến hóa; câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu hình ảnh và nhịp điệu; những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ.

**2. Kỹ năng:**

Đọc- hiểu tùy bút theo đặc trưng thể loại.

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

**1. Tìm hiểu chung:**

**a) Tác giả:** Nguyễn Tuân(SGK)

**b) Tác phẩm:** *Người lái đò sông Đà* rút ra từ tập tùy bút *Sông Đà* (1960)-kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc của Nguyễn Tuân.

**2. Đọc - hiểu văn bản:**

**a) Nội dung:**

- **Sông Đà** trên trang văn Nguyễn Tuân hiện lên như một “nhân vật” có hai tính cách trái ngược:

+ **Hung bạo, dữ dằn:** Cảnh đá dựng thành vách, những đoạn đá chẹt dòng sông như cái yết hầu; cảnh nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió cuộn cuộn luồng gió gùn ghè; những hút nước sẵn sàng nhấn chìm và đập tan chiếc thuyền nào lọt vào; những thạch trận, phòng tuyến sẵn sàng *ăn chết* con thuyền và người lái đò;...

+ **Trữ tình và thơ mộng:** Dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc diễm kiều; nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng; cảnh vật hai bên bờ sông Đà vừa hoang sơ nhuộm màu cổ tích, vừa trù phú, tràn trề nhựa sống;...

Qua hình tượng sông Đà, NT thể hiện tình yêu mến thiết tha đối với thiên nhiên đất nước. với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Cảm nhận và miêu tả sông Đà, NT đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới.

**- Hình ảnh người lái đò:**

+ Là vị chỉ huy *cai thuyền sáu bơi chèo* trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc (sóng, nước, đá, gió...). Bằng trí dũng tuyệt vời và phong thái ung dung, tài hoa, người lái đò *nắm lấy bờm sóng* vượt qua trận *thủy chiến* ác liệt (đá nổi, đá chìm, ba phòng tuyến trung vi vây bủa...) thuận phục dòng sông. Ông nhìn thử thách bằng cái nhìn giản dị mà lãng mạn; bình tĩnh và hùng dũng ngay cả lúc đã bị thương.

+ Nguyên nhân chiến thắng của ông lái đò: Sự ngoan cường, dũng cảm và nhất là kinh nghiệm sông nước.

Hình ảnh ông lái đò cho thấy NT đã tìm được nhân vật mới: nhưng con người đáng trân trọng, ngợi ca, không thuộc tầng lớp đài các *vang bóng một thời* mà là những người lao động bình thường-chất *vàng mười của Tây Bắc*. Qua đây, nhà văn muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

*b) Nghệ thuật:*

- Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.
- Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.
- Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình...

*c) Ý nghĩa văn bản:*

***Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc; thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.***

**3. Hướng dẫn tự học:**

- + Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm *Người lái đò sông Đà*;
- + Liệt kê dẫn chứng và phân tích hiệu quả vài biện pháp nghệ thuật mà nhà văn đã sử dụng để khắc họa hình tượng sông Đà;
- + Phân tích hình ảnh người lái đò trong cảnh vượt thác/.



## **AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG**

*(Trích-Hoàng Phủ Ngọc Tường)*

### **I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Thấy được tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với sông Hương, xứ Huế;
- Hiểu được đặc trưng của thể loại bút ký và đặc sắc nghệ thuật của bài ký.

### **II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:**

1. Kiến thức:

- Vẻ đẹp độc đáo đa dạng của sông Hương và tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với dòng sông quê hương, xứ Huế thân thương và đất nước.

- Lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ gợi cảm, giàu hình ảnh và nhịp điệu; nhiều so sánh, liên tưởng mới mẻ, bất ngờ, thú vị; nhiều ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ được sử dụng tài tình.

2. Kỹ năng:

Đọc- hiểu thể ký văn học theo đặc trưng thể loại.

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

#### 1. Tìm hiểu chung:

##### a) Tác giả :

HPNT là một trí thức yêu nước, nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực; chuyên về bút ký, là một trong mấy nhà văn viết ký hay nhất của văn học ta hiện nay (Nguyên ngọc); sáng tác luôn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, nghị luận và tư duy đa chiều với một lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm, tài hoa.

##### b) Tác phẩm:

*Ai đã đặt tên cho dòng sông?* Viết tại Huế năm 1981, in trong tập sách cùng tên. Tác phẩm gồm ba phần, đoạn trích thuộc phần thứ nhất.

#### 2. Đọc - hiểu văn bản:

##### a) Nội dung:

- Thủy trình của Hương giang:

+ *Ở nơi khởi nguồn:* Sông Hương có vẻ đẹp hoang dại, đầy cá tính, là bản trường ca của rừng già, là cô gái di-gan phóng khoáng và man dại, là người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.

+ *Đến ngoại vi TP Huế:* Sông Hương như người gái nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại được người tình mong đợi đến đánh thức. Thủy trình của SH khi bắt đầu về xuôi tựa một cuộc tìm kiếm có ý thức người tình nhân đích thực của một người con gái đẹp trong câu chuyện tình yêu lãng mạn nhuộm màu cổ tích.

+ *Đến giữa TP Huế:* SH như tìm được chính mình vui hẳn lên... mềm hẳn đi như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu. Nó có những đường nét tinh tế, đẹp như điệu “slow” tình cảm dành riêng cho Huế, như người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya...

+ *Trước khi từ biệt Huế:* SH giống như người tình dịu dàng và chung thủy. Con sông như nàng Kiều trong đêm tình tự, trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa...

- Dòng sông của lịch sử và thi ca:

+ *Trong lịch sử,* SH mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc.

+ *Trong đời thường,* SH mang vẻ đẹp giản dị của một người con gái dịu dàng của đất nước.

+ *Sông Hương là dòng sông của thi ca,* là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.

##### b) Nghệ thuật:

- Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa;

- Ngôn từ phong phú, gợi hình, gợi cảm; câu văn giàu nhạc điệu.

- Các biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, so sánh được sử dụng một cách hiệu quả.

##### c) Ý nghĩa văn bản:

Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương.

#### 3. Hướng dẫn tự học:

- + Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm, Viết cảm nghĩ đoạn văn yêu thích nhất ;
- + Tìm và phân tích những cách ví von, so sánh độc đáo của HPNT trong đoạn trích./



## HỌC KÌ II

### **VỢ CHỒNG A PHỦ**

(Trích – TÔ HOÀI)

#### **I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Thấy được cuộc sống cực nhọc, tối tăm và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào các dân tộc Tây Bắc;
- Hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.

#### **II. TRONG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:**

##### **1. Kiến thức:**

- Nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ánh sáng thống trị của phong kiến và thực dân. Vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng mãnh liệt và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào vùng cao.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực; miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế; lối kể chuyện hấp dẫn ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

##### **2. Kỹ năng:**

Củng cố, nâng cao các kỹ năng tóm tắt tác phẩm và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

#### **III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

##### **1. Tìm hiểu chung:**

###### **a) Tác giả:**

Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau của đất nước.

###### **b) Tác phẩm:**

Vợ chồng A Phủ (1952) là kết quả của chuyến đi cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc, in trong tập Truyện Tây Bắc, giải Nhất giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955. Tác phẩm gồm hai phần, đoạn trích trong SGK là phần một

##### **2. Đọc – hiểu văn bản:**

###### **a) Nội dung:**

###### **- Nhân vật Mị:**

+ Cuộc sống thống khổ: Mị là cô gái trẻ, đẹp, yêu đời nhưng vì món nợ “truyền kiếp”, bị bắt làm “con dâu gạt nợ” nhà thống lí Pá Tra, bị đối xử tàn tệ, mất ý thức về cuộc sống (*lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị,...*).

+ Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc: Mùa xuân đến (*thiên nhiên, tiếng sáo gọi bạn, bữa rượu,...*), Mị đã thức tỉnh (*kỉ niệm sông dẫy, sống với tiếng sáo, ý thức về thời gian, thân phận,...*) và muốn đi chơi (*thắp đèn, quán tóc,...*). Khi bị A Sử trói vào cột, Mị “*như không biết mình đang bị trói*”, vẫn thả hồn theo tiếng sáo.

+ Sức phản kháng mạnh mẽ: Lúc đầu, thầy A Phủ bị trói, Mị dửng dưng “vô cảm”. Nhưng khi nhìn thấy “*dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại*” của A Phủ, Mị xúc động, nhớ lại mình, đồng cảm với người, nhận ra tội ác của bọn thống trị. Tình thương, sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt, ... đã thôi thúc Mị cắt dây trói cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình.

**- Nhân vật A Phủ:**

+ Số phận éo le, là nạn nhân ủa hủ tục lạc hậu và cường quyền phong kiến miền núi (*mồ côi cha mẹ, lúc bé đi làm thuê hết nhà này đến nhà khác, lớn lên nghèo đến nỗi không lấy nổi vợ*).

+ Phẩm chất tốt đẹp: có sức khỏe phi thường, dũng cảm; yêu tự do, yêu lao động; có sức sống tiềm tàng mãnh liệt. . .

**- Giá trị của tác phẩm:**

+ Giá trị hiện thực: miêu tả chân thực số phận cực khổ của người dân nghèo, phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị ở miền núi.

+ Giá trị nhân đạo: thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng; tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai cấp thống trị; trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc; . . .

**b) Nghệ thuật:**

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yếu khắc họa tâm tư, . . .).

- Tràn thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.

- Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.

- Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ, . . .

**c) Ý nghĩa văn bản:**

***Tố cáo tội ác của bọn phong kiến, thực dân; thể hiện số phận đau khổ của người dân lao động miền núi; phản ánh con đường giải phóng và ngợi ca vẻ đẹp, sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của họ.***

**3. Hướng dẫn tự học:**

- Tìm đọc trọn vẹn *Vợ chồng A Phủ* và tóm tắt tác phẩm.

- Phân tích diễn biến tâm trạng của Mị trong “*đêm tình mùa xuân*” và đêm cởi trói cứu A Phủ./.



**VỢ NHẬT**  
(Trích – KIM LÂN)

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

**1) Tác giả:**

Kim Lân (1920 - 2007): thành công về đề tài nông thôn và người nông dân; có một số tác phẩm có giá trị về đề tài này.

**2) Tác phẩm:**

*Vợ nhật* (in trong tập *Con chó xấu xí*, 1962) được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*.

## II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:

### 1) Nội dung:

- **Nhân vật Tràng:** là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở (giữa lúc đói, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ), luôn khát khao hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc. Câu “*nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về*” đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ, thấy nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó, có trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy đủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).

- **Người “vợ nhặt”:** là nạn nhân của nạn đói. Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục và chấp nhận làm “vợ nhặt”. Tuy nhiên, sâu thẳm trong con người này vẫn khao khát một mái ấm. “Thị” là một con người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình.

- **Bà cụ Tứ:** một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con; một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha; một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng và ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: “*dù kẻ bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai*”.

### 2) Nghệ thuật:

- Xây dựng được tình huống truyện độc đáo: Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề lại “nhặt” được vợ, có vợ theo. Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.

- Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.
- Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.
- Ngôn ngữ một mực, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

### 3) Ý nghĩa văn bản:

**Tổ cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và **khẳng định:** ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.**

## III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Tóm tắt truyện và phân tích ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt.
- Phân tích diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ.
- Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm./.



**RỪNG XÀ NU**  
(Nguyễn Trung Thành)

## I. TÌM HIỂU CHUNG:

1) **Tác giả:** Nguyễn Trung Thành (bút danh khác là Nguyễn Ngọc) là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến, gắn bó mật thiết với mảnh đất Tây Nguyên.

2) **Tác phẩm:** Truyện ngắn *Rừng xà nu* được viết năm 1965; đăng trên tạp chí văn nghệ quân đội giải phóng Trung Trung bộ (Số 2-1965), sau đó được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*.

## II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:

### 1) Nội dung:

#### a) Hình tượng cây xà nu:

+ Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô Man.

+ Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh CM. Vẻ đẹp, những thương tích mà rừng xà nu phải gánh chịu, những đặc tính của xà nu... là hiện thân cho vẻ đẹp, những mất mát, đau thương, sự khát khao tự do và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng, đồng bào Tây Nguyên nói chung.

#### b) Hình tượng nhân vật Tnú:

+ Là người gan góc, dũng cảm, mưu trí;

+ Có tính kỉ luật cao, trung thành với CM;

+ Có một trái tim yêu thương và sôi sục căm thù: *Sống rất nghĩa tình và luôn mang trong tim ba mối thù: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng.*

+ Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của Tnú điển hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

c) **Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau.** Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như Tnú; sự hi sinh của những con người như Tnú góp phần là cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi.

### 2) Nghệ thuật:

- Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên; ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.

- Xây dựng thành công các nhân vật vừa có những nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu (*cụ Mết; Tnú, Dít...*)

- Khắc họa thành công hình tượng cây xà nu - một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc - tạo nên màu sắc sử thi và lãng mạn bay bổng cho thiên truyện.

- Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm,...

### 3) Ý nghĩa văn bản:

- *Ngợi ca tình thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người VN nói chung trong cuộc đấu tranh GP dân tộc;*

- *Khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.*

## III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Tóm tắt truyện *Rừng xà nu* và giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm.

- Phân tích các nhân vật: cụ Mết; Dít; Heng./.



## **NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH** **(NGUYỄN THI)**

### **I. TÌM HIỂU CHUNG:**

#### **1) Tác giả:**

Nguyễn Thi (1928-1958) là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng Miền Nam thời kì chống Mỹ-cứu nước. Ông gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam bộ. Nguyễn Thi cũng là cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo.

#### **2) Tác phẩm:**

*Những đứa con trong gia đình* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Thi được sáng tác trong những ngày chiến đấu ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ-cứu nước.

### **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:**

#### **1) Nội dung:**

##### **a) Nhân vật chính:**

- **Việt:** Là một thanh niên mới lớn, rất hồn nhiên (*không sợ chết nhưng lại rất sợ ma, hay tranh giành với chị, đi chiến đấu vẫn mang súng cao su trong người...*); có một tình yêu thương gia đình sâu đậm, một tính cách anh hùng, tinh thần chiến đấu gan dạ, kiên cường. Trong anh có dòng máu của những con người gan góc, sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc (*còn nhỏ mà dám tấn công kẻ giết cha, xin đi tòng quân và chiến đấu rất dũng cảm...*)

- **Chiến:** Là một cô gái mới lớn, tính khí vẫn còn nét trẻ con nhưng cũng là một người chị biết nhường em, biết lo toan, tháo vát; vừa có những điểm giống mẹ, vừa có những nét riêng. Chiến căm thù giặc sâu sắc, gan góc, dũng cảm, lập được nhiều chiến công.

**b) Chiến và Việt là hai khúc sông trong dòng sông truyền thống của gia đình.** Hai chị em là sự tiếp nối thế hệ của chú Năm và má, song lại mang dấu ấn riêng của thế hệ trẻ Miền Nam thời kì chống Mỹ-cứu nước.

#### **2) Nghệ thuật:**

- Tinh huống truyện: Việt-một chiến sĩ Quân giải phóng-bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liên mạch(lúc tỉnh), khi gián đoạn(lúc ngất) của *người trong cuộc* làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.

- Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam bộ.

- Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh. . .

#### **3) Ý nghĩa văn bản:**

*Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với CM, nhà văn khẳng định: sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước; giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người VN, dân tộc VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ-cứu nước.*

### **III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm *Những đứa con trong gia đình*.
- So sánh hai nhân vật Việt và Chiến./.



## **CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA** (NGUYỄN MINH CHÂU)

### **I. TÌM HIỂU CHUNG:**

#### **1) Tác giả:** Nguyễn Minh Châu (1930-1989):

Trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh, thuộc trong số những người mở đường tình anh và tài năng (Nguyễn Ngọc) của VHVN thời kì đổi mới.

#### **2) Tác phẩm:**

*Chiếc thuyền ngoài xa* tiêu biểu cho xu hướng chung của VHVN thời kì đổi mới: **hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường.**

### **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:**

#### **1) Nội dung:**

##### **a) Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh:**

- Một *cảnh đất trời cho* là cảnh chiếc thuyền lưới vó ẩn hiện trong biển sớm mờ sương có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào... Với người nghệ sĩ, khung cảnh đó chứa đựng *chân lí của sự hoàn thiện*, làm dấy lên trong Phùng những xúc cảm thẩm mỹ, khiến tâm hồn anh như được gột rửa, thanh lọc.

- Một cảnh tượng phi thẩm mỹ (*một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi; gã đàn ông to lớn, dữ dằn*), phi nhân tính (*người chồng đánh vợ một cách thô bạo, đứa con thương mẹ đã đánh lại cha...*) giống như trò đùa quái ác, làm Phùng *ngơ ngác không tin vào mắt mình*.

=> Qua hai phát hiện của người nghệ sĩ, nhà văn chỉ ra: cuộc đời chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn; không thể đánh giá con người, cuộc sống ở dáng vẻ bên ngoài mà phải đi sâu tìm hiểu, phát hiện bản chất bên trong.

##### **b) Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện:**

- Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng chài nghèo khổ, lam lũ...

- Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài (*một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha*); về người chồng của chị (*bất kể lúc nào thấy khổ quá là lôi vợ ra đánh*); chánh án Đẩu (*có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều*) và về chính mình (*sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ*).

=> Qua câu chuyện về cuộc đời của người đàn bà hàng chài và cách ứng xử của các nhân vật, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp: đứng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.

##### **c) Tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:**

- Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ thấy “*hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai*” (đó là chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, cũng là biểu tượng của nghệ thuật). Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy “*người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh*” (đó là hiện thân của những lam lũ, khổn khổ, là sự thật cuộc đời).

- Ý nghĩa: Nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát li cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

## 2) Nghệ thuật:

- Tinh huớng truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.  
- Tác giả lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn thích hợp, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực và có sức thuyết phục.

- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, phù hợp với tính cách. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

## 3) Ý nghĩa văn bản:

*Chiếc thuyền ngoài xa thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.*

## III. HUỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Tìm đọc trọn vẹn truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*.
- Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm.



## THUỐC

### I. TÌM HIỂU CHUNG:

#### 1) Tác giả:

Lỗ Tấn (1881 – 1936), nhà văn cách mạng Trung Quốc, người đã từ bỏ nghề thuốc để làm văn nghệ vì cho rằng chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần.

#### 2) Tác phẩm:

Truyện viết năm 1919, nhằm chỉ ra thực trạng: nhân dân đắm chìm trong mê muội còn người cách mạng thì xa lạ với quần chúng.

### II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:

#### 1) Nội dung:

- *Tình trạng mê muội của người dân Trung Quốc qua hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người:*  
+ Phân tích hành động, thái độ, tâm lí của vợ chồng lão Hoa khi đi mua thuốc (*chiếc bánh bao tẩm máu người*), khi cho thằng Thuyên uống thuốc (*ăn chiếc bánh bao*) với niềm tin con mình sẽ khỏi bệnh.

+ Phân tích thái độ, lời nói của số đông người trong quán trà (*người râu hoa râm, câu Năm Gù, người mặt thịt ngang phè, bác Cả Khang,...*) bàn luận về thuốc, cam đoan về khả năng chữa trị bệnh lao của chiếc bánh bao tẩm máu người; kháo nhau về chuyện giao nộp người cách mạng để lĩnh thưởng, về cái chết của người cách mạng. . .

- *Mong mỏi về sự thức tỉnh của quần chúng qua hình tượng vòng hoa trên mộ Hạ Du:*

+ Phân tích hình ảnh bà mẹ Hạ Du ra nghĩa địa: “*tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ sơn xanh cũ nát*”; suy nghĩ và bản khoăn của bà khi đứng trước mộ con: “*Hoa không có gốc,*

không phải dưới đất mọc lên! Ai đã đến đây? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định là không ai đến rồi!... Thế này là thế nào?”

+ Chú ý lời bà mẹ khóc con: “Du ơi! Trời có mắt, thật tội nghiệp, chúng nó giết con thì rồi chúng nó sẽ bị báo ứng thôi!” và hình ảnh “con quạ xòe đôi cánh nhưn mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa”.

### 2) Nghệ thuật:

- Hình ảnh, ngôn từ giàu tính biểu tượng.
- Lối dẫn truyện nhẹ nhàng, tự nhiên mà sâu sắc, lối cuốn.

### 3) Ý nghĩa văn bản:

- Người Trung Quốc cần có một thứ thuốc để chữa trị tận gốc căn bệnh mê muội về tinh thần.
- Nhân dân không nên “ngủ say trong cái nhà hộp bằng sắt” và người cách mạng thì không nên “bôn ba trong chốn quạnh hiu”, mà phải bám sát quần chúng để động viên, giác ngộ họ.

## III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

Lỗ Tấn đã cảm nhận được “căn bệnh” của người dân Trung Hoa như thế nào trong truyện ngắn Thuốc?



## SỐ PHẬN CON NGƯỜI

### I. TÌM HIỂU CHUNG:

#### 1) Tác giả:

Mi-khai-in Sô-lô-khốp (1905 – 1984), nhà văn Nga Xô viết, Giải Nô-ben Văn học năm 1965; được coi là một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỉ XX.

#### 2) Tác phẩm:

Số phận con người được viết năm 1957, mười hai năm sau khi thế giới lần thứ hai kết thúc.

### II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:

#### 1) Nội dung:

##### - Chiến tranh và thân phận con người:

+ Người lính Xô-cô-lốp với những đau đớn về thể xác và tinh thần dường như không thể nào vượt qua nổi: đi lính, bị thương, bị đọa đày trong trại tập trung; vợ và hai con gái chết vì bom phát xít, con trai cũng đi lính và hi sinh đúng ngày chiến thắng; sau chiến tranh, Xô-cô-lốp không biết đi đâu, về đâu.

+ Chú bé Va-ni-a lang thang, rách rưới, hằng ngày nhặt nhạnh kiếm ăn nơi hàng quán, ban đêm bạ đầu ngủ đó; cha chết trận, mẹ chết bom, không biết quê hương, không người thân thích.

##### - Nghị lực vượt qua số phận:

+ Xô-cô-lốp chấp nhận cuộc sống sau chiến tranh, tự nhận mình là bố Va-ni-a, sung sướng trong tình cảm cha con, chăm lo cho Va-ni-a từng cái ăn, cái mặc, giấc ngủ.

+ Va-ni-a vô tư và hồn nhiên đón nhận cuộc sống mới trong sự chăm sóc và tình yêu thương của người mà chú bé luôn nghĩ là cha đẻ.

Tác phẩm đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả, nghị lực phi thường của người lính và nhân dân Xô viết thời hậu chiến: lòng nhân hậu, vị tha, sự gắn kết giữa những cảnh đời bất hạnh, niềm hi vọng vào tương lai.

#### 2) Nghệ thuật:

Chuẩn kiến thức-kỹ năng 12

- Miêu tả sâu sắc, tinh tế nội tâm và diễn biến tâm trạng nhân vật.
- Lối kể chuyện giản dị, sinh động, giàu sức hấp dẫn và lôi cuốn.
- Nhiều đoạn trữ tình ngoại đề gây xúc động mạnh cho người đọc.

### 3) Ý nghĩa văn bản:

*Con người bằng ý chí và nghị lực, lòng nhân ái và niềm tin vào tương lai, cần và có thể vượt qua những mất mát do chiến tranh và bi kịch của số phận.*

## III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

Đọc nhiều lần đoạn cuối: “Hai con người cô cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phủ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ [...] những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lan trên má anh” để thấy được ý chí và nghị lực, niềm tin ở tương lai của người dân Xô viết sau chiến tranh cũng như bút pháp trữ tình đậm thắm của Sô-lô-khốp.



## ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CÁ

### I. TÌM HIỂU CHUNG:

#### 1) Tác giả:

Hê-minh-uê (1899 – 1961), một trong những nhà văn lớn nhất của nước Mỹ thế kỉ XX, nổi tiếng với nguyên lí “tảng băng trôi”; với hoài bão viết cho được “một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người”.

#### 2) Tác phẩm:

Đoạn trích nằm ở gần cuối truyện, thuật lại việc ông lão Xan-ti-a-gô rượt đuổi và khuất phục được con cá kiếm.

### II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:

#### 1) Nội dung:

- Đề cao sức mạnh của con người – ông lão đánh cá – trong cuộc đấu với con cá kiếm. Cả hai đều dũng cảm, mưu trí, cao thượng nhưng chiến thắng cuối cùng đã thuộc về con người.
- Thể hiện niềm tin vào nghị lực của con người và niềm tự hào về con người.

#### 2) Nghệ thuật:

- Lối kể chuyện độc đáo kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời kể với văn miêu tả cảnh vật đối thoại và độc thoại nội tâm.
- Ý nghĩa hàm ẩn của hình tượng và tính đa nghĩa của ngôn ngữ.

#### 3) Ý nghĩa văn bản:

Cuộc hành trình đơn độc, nhọc nhằn của con người vì một khát vọng lớn lao là chứng minh cho chân lí: **“Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại”.**

### III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

Đọc kĩ đoạn trích, phân tích hình ảnh ông lão đánh cá đơn độc, dũng cảm; kết quả và ý nghĩa của cuộc săn đuổi con cá kiếm./

**-HẾT-**

**Bài viết được sưu tầm.**